

Xã hội - Người cao tuổi: Thực trạng và giải pháp

Ngày 28-9-1993, tại thị xã Hải Dương, Viện Xã hội và tỉnh Hải Hưng đã phối hợp tổ chức cuộc Hội thảo khoa học "Xã hội- Người cao tuổi: thực trạng và giải pháp". Đồng chí Vũ Oanh - Ủy viên Bộ Chính trị, đồng chí Lê Quang Đạo Ủy viên Đoàn chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đồng chí Trần Đình Hoan - Bộ trưởng Bộ Lao động và Thương binh xã hội, đồng chí Phạm Văn Thọ - Bí thư Tỉnh ủy Hải Hưng và nhiều đồng chí khác ở Trung ương và ở Hải Hưng, các nhà khoa học và nhà báo đã đến dự và phát biểu ý kiến. Các báo cáo khoa học trong Hội thảo đã đặt ra nhiều vấn đề về vị trí và vai trò của người cao tuổi trong xã hội, về đời sống và sức khỏe người cao tuổi chính sách xã hội và các hoạt động trợ giúp đối với người cao tuổi hiện nay...

Mục Diễn đàn Xã hội học kỳ này giới thiệu một số trong các bài cáo khoa học đó.

Xã hội - Người cao tuổi: thực trạng và giải pháp

LÊ TRUYỀN.*

Kính trọng người cao tuổi là truyền thống tốt đẹp, là bản sắc văn hóa lâu đời của dân tộc ta.

Trong công cuộc đổi mới đất nước ở thời cuộc ngày nay, việc đầu tư nghiên cứu về người cao tuổi và các yếu tố tác động trong mối quan hệ trên cách lĩnh vực đối với người cao tuổi, nhằm phát huy tốt hơn nữa truyền thống và bản sắc ấy là một công việc cần thiết và có ý nghĩa quan trọng.

Đã qua một thời gian khá dài, công tác nghiên cứu về người cao tuổi ở nước ta còn tản mạn. Nhiều khía cạnh mới có liên quan đến chất lượng cuộc sống của người cao tuổi chưa được nghiên cứu một cách có hệ thống để có những định hướng cho những giải pháp tích cực.

* Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tuyên giáo tỉnh Hải Hưng

Do thực tế đòi hỏi, trong thời gian gần đây, nhiều đồng chí lãnh đạo và một số nhà khoa học đã lưu tâm đi vào nghiên cứu vấn đề người cao tuổi. Một số cuộc hội thảo, một số công tác giúp đỡ cho các hoạt động của người già đã được quan tâm hơn. Sáng kiến của Đài phát thanh tiếng nói Việt Nam với chương trình *Câu lạc bộ những người cao tuổi*, Báo Đại Đoàn kết có một trang và mới đây là số báo chuyên đề cuối tháng dành cho người cao tuổi... Những việc làm đó còn ít ỏi, nhưng đã được những người cao tuổi rất tâm đắc và dư luận xã hội hoan nghênh. Và hôm nay, trong khuôn khổ của cuộc hội thảo nhỏ tại Hải Hưng, được các đồng chí lãnh đạo của Trung ương và địa phương, các nhà khoa học tới dự với thái độ rất lưu tâm, càng nói lên tầm quan trọng và ý nghĩa của vấn đề, của nội dung cuộc hội thảo. Trong báo cáo này, chúng tôi sẽ nêu ra những dẫn liệu thu được qua các cuộc khảo sát, phỏng vấn và điều tra mẫu với 308 phiếu hỏi vào đầu năm 1993 tại Hải Hưng với hy vọng đóng góp vào bức tranh người cao tuổi hiện nay, những khía cạnh mới và yếu tố truyền thống, đề đề xuất tiến tới có được hệ thống chính sách và giải pháp bảo đảm xã hội nhằm cải thiện hoàn cảnh sống và vai trò xã hội của người cao tuổi trong gia đình và cộng đồng, góp phần bảo đảm ổn định xã hội, tinh liên tục xã hội ta trong quá trình đổi mới.

Người cao tuổi được coi là nhóm xã hội đặc thù, là tài nguyên xã hội về vốn văn hóa, đạo đức truyền thống mà biểu tượng chung là: có công lao, có kinh nghiệm cuộc sống, có uy tín trong xã hội, được xã hội kính trọng và biết ơn, bởi thế, nhóm người cao tuổi có quan hệ qua lại trên các lĩnh vực của đời sống xã hội - tại cuộc hội thảo này, chúng tôi xin nêu mấy nhóm vấn đề chính sau đây:

1- Khung cảnh xã hội và biến đổi mới:

Thời cuộc thế giới đang biến động dữ dội và phức tạp, chứa đựng nhiều yếu tố đa dạng, mới mẻ, nhiều chiều và đang tác động đến nước ta như một đòi hỏi phải hòa nhập, một nhân tố mới vừa là thời cơ, vừa là thách thức lớn.

Đất nước ta đang chuyển động theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh trên, bằng công cuộc đổi mới và ngày càng được thực tiễn chứng minh là đúng đắn: chính trị ổn định, kinh tế có bước phát triển rõ nét, an ninh quốc phòng vững chắc, lòng dân yên vui hơn. Đó là những thành tựu được khẳng định.

Tuy nhiên, cũng không ít những khó khăn và những trở lực lớn. Thực tiễn cho thấy: *cái cần đi luôn cùng cái cái khó, cái mới lạ khi cơ chế thị trường và mở cửa đi vào cuộc sống của đất nước ta*. Về lĩnh vực văn hóa xã hội và chính sách xã hội đang còn là vấn đề lớn. Đánh giá thành tựu đạt được và những diễn biến ở lĩnh vực này đang còn có những ý kiến khác nhau, những diễn biến ấy là tất yếu trong quá trình chuyển đổi và phát triển hay là xu hướng đáng lo ngại và trở thành nguy cơ không thể xem thường

Khung cảnh mới trên đây có quan hệ trực tiếp đến nhóm người cao tuổi trong xã hội ta - một nhóm xã hội đang là cầu nối hay bị hẫng hụt của sự chuyển biến trong công cuộc đổi mới đất nước?

Ở tỉnh Hải Hưng, thực tiễn mấy năm qua cho thấy, về lĩnh vực văn hoá xã hội và chính sách xã hội đã có cố gắng lớn nhưng chưa giải quyết được nhiều. Có những việc do điều kiện kinh tế chưa cho phép, lại có những việc mới đặt ra từ trong quá trình thực hiện đổi mới cơ chế, chính sách kinh tế.

Là một tỉnh nông nghiệp truyền thống, kinh tế nông nghiệp phát triển khá nhanh.

Nếu lấy kết quả năm 1992 để so sánh với bình quân 5 năm (1985 - 1990) thì lương thực tăng 26%, thịt lợn hơi tăng 25%, đàn trâu bò tăng 15%, cá và gia cầm tăng 30%, nhưng giá trị và hiệu quả thì lại còn quá thấp.

Vậy là ngày càng rõ: nếu chỉ có thuần nông thì dù có trình độ thâm canh cao mấy, vẫn không thể giàu và khó có văn minh. Đây là điều trần trụi mà tỉnh Hải Hưng đang tìm cách tháo gỡ và tính toán chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Bởi thế, cho dù mấy năm gần đây, lãnh đạo tỉnh đã có chuyển biến vượt bậc về sự quan tâm chỉ đạo các vấn đề văn hóa xã hội và chính sách xã hội của toàn tỉnh, đầu tư năm sau đều cao hơn năm trước cả về số tuyệt đối và tỷ trọng (bình quân đầu tư cho lĩnh vực này chiếm gần 50% tổng ngân sách hàng năm, bằng gần 5 lần đầu tư cho xây dựng cơ bản) nhưng vẫn còn cách xa yêu cầu và chưa đủ. Tuy số đầu tư lớn, nhưng bình quân tính theo đầu dân và đầu học sinh còn rất thấp, chưa đáp ứng nhu cầu tối thiểu, thậm chí thấp hơn mức bình quân đầu người ở các tỉnh nhỏ. Hiện trạng này, qua việc tiếp xúc với các cụ cao tuổi thấy dễ chấp nhận và có thể thông cảm được.

Về những tác động của bối cảnh và diễn biến mới với yếu tố truyền thống văn hóa dân tộc, truyền thống kính trọng người già trong xã hội, trong mỗi gia đình như thế nào? Thực sự tác động của cơ chế thị trường và mở cửa là khá mạnh đến đời sống văn hóa xã hội, những tác động ấy đã đủ sức làm lay chuyển hoặc phá vỡ truyền thống và bản sắc văn hóa dân tộc chưa? Đã làm cho gia đình Việt Nam khủng hoảng? Đã trở thành mâu thuẫn thế hệ? Hay là phải thấy đúng bản chất và sức bền của yếu tố truyền thống Việt Nam đã trải qua hàng ngàn năm thử thách?

Ở Hải Hưng, một vùng có truyền thống văn hiến lâu đời, một vùng gắn liền với nền văn minh lúa nước và nông thôn là nơi định cư ổn định thì yếu tố truyền thống phải chăng là rất bền vững. Mặt khác, có thể khẳng định nhóm người cao tuổi đã rất có công trong quá trình xây đắp nên truyền thống và rất có ý thức tự chủ giữ gìn truyền thống, phải chăng tâm thức và hành động "trọng thọ" không dễ dàng bị lang quên? Vai trò của người cao tuổi trong gia đình, họ tộc và làng xóm cũng không dễ dàng giảm sút? Vậy trong sự biến động của công cuộc đổi mới ngày nay, yếu tố truyền thống có gì được phát huy hoặc lay chuyển?

2- Về bản thân nhóm người cao tuổi:

- Từ cái nền kinh tế - xã hội nói trên, xét về dân số và nhân khẩu thì xu hướng nhóm người cao tuổi ngày một gia tăng cả về số lượng và mức tuổi thọ do yếu tố giảm dần tỷ suất sinh và giảm tỷ lệ tử vong. Ở Hải Hưng, xu hướng này càng khá rõ. Chỉ tính trong vòng 10 năm, từ cuộc điều tra dân số năm 1979 đến cuộc điều tra dân số 1989, số cụ già từ 60 tuổi trở lên đã tăng thêm 39.838 cụ (năm 1979 mới chiếm gần 9% dân số, năm 1983 đã chiếm 9%). Cuộc điều tra ở 341 xã khu vực nông thôn Hải Hưng đầu năm 1993 thì số cụ già từ 60 tuổi trở lên chiếm tới 10% dân số. Cuộc điều tra mẫu ở Hai Hưng kỳ này cho thấy tuổi thọ bình quân của 308 cụ (từ 55 tuổi trở lên) cũng khá cao? 67,5. (Ở đây có thêm cả yếu tố di chuyển trở về quê hương khi tuổi già. Số cụ thọ trăm tuổi, năm 1979 có 10, năm 1989: 60. Sự gia tăng số lượng và mức tuổi thọ của nhóm người cao tuổi sẽ đặt ra nhiều khía cạnh mới có liên quan.

- Về cấu trúc trong nhóm người cao tuổi càng ngày càng đa dạng phong phú, việc phân nhóm nhỏ để nghiên cứu cũng đòi hỏi cách nhìn nhận và phương pháp sao cho thích hợp. Sẽ rất khó khăn tìm ra một vài cách phân nhóm nhỏ mà đáp ứng được cho nhu cầu nghiên cứu sâu các khía cạnh riêng: như phân theo nhóm tuổi, phân theo giới, theo nông thôn - hưu trí, theo hoàn cảnh, theo học vấn, theo khả năng lao động v.v... mỗi nhóm nhỏ trong người cao tuổi sẽ có tâm thức và hành động gì chung và có gì khác nhau khi đánh giá về mình và về mối quan hệ cộng đồng. Nhóm nào chiếm ưu thế, nhóm nào tạo ra xu hướng, nhóm nào có sắc thái đặc biệt đều có liên quan đến giải pháp và hệ thống an sinh xã hội. (Ở đây lưu ý cả một điểm là tỷ lệ nữ trong dân số Hải Hưng năm 1979 là 56%, năm 1989 là 53%, nhưng ở các cụ từ 60 tuổi trở lên thì tỷ lệ nữ lại là 62%).

- Về những đặc trưng của năm người cao tuổi và những vấn đề xã hội quan tâm là gì và có cùng chiều, cùng mức độ hay không? Số vấn đề sẽ là rất nhiều: về sức khỏe, về học vấn, về khả năng lao động, thu nhập, đời sống, về vai trò và giao tiếp, về sự toại nguyện và bản khoăn, về giá trị và chuẩn mực, về tâm trạng và nguyện vọng v.v...

Hàng loạt những vấn đề trên hiện nay đang có nhiều cách nhìn nhận, đánh giá và giải thích khác nhau về mức độ, về xu hướng. Các cách nhìn vừa phải thận trọng, có cách nhìn là tích cực, lạc quan, cùng có cách nhìn bi quan, lo ngại, bế tắc. Thực sự đây là vấn đề hệ trọng và rất tế nhị.

Có lẽ phải rất nên tôn trọng sự tự nhìn nhận của bản thân nhóm người cao tuổi qua cuộc điều tra tiếp cận một cách khách quan trên diện rộng: Mặc khác, cũng phải nhìn nhận từ phía chính sách và qua hệ thống các cơ quan của hệ thống chính trị các cấp có quan hệ nhiều đến người cao tuổi.

Một số thực tế đáng lưu ý là với đặc điểm của người cao tuổi, các cụ thường tự nhìn nhận mình và nêu tâm trạng, nguyện vọng một cách *dè dặt, cẩn trọng, trung thực* và ở mức *khiêm tốn* ("hỏi già" vẫn là được tin cậy). Điều này đặt ra trách nhiệm gì cho cộng đồng và chính sách xã hội? Rất có thể nguyện vọng, nhu cầu của các cụ có khoảng cách thấp hơn với nhu cầu phát triển và khả năng của cộng đồng, của chính sách xã hội trong điều kiện mới phải vươn tới.

3- Về yếu tố gia đình:

Ở nước ta, từ xưa gia đình đã có ý nghĩa rất quan trọng đối với mỗi cá nhân là thành viên. Một con người sinh ra từ một gia đình và trong suốt cuộc đời liên tục gắn bó có mối quan hệ bền chặt với gia đình mình. Với xã hội, gia đình là tế bào; còn trong nội bộ; gia đình là tổ ấm, bảo đảm điều kiện an toàn cho trẻ thơ phát triển, cho người già nương tựa và thể hiện vị trí tôn kính, không bị cô đơn, người lao động được sưởi ấm tình cảm, để thư giãn, lấy lại cân bằng tâm lý sau lao động mệt nhọc... Tình cảm, tâm lý của người Việt Nam gắn với gia đình rất sâu, bền chặt.

Đất nước ta đã trải qua nhiều thử thách và biến động từ sau cách mạng tháng Tám 1945, qua các cuộc chiến tranh ác liệt kéo dài, và ngày nay đi vào công cuộc đổi mới, thực hiện cơ chế thị trường và mở cửa theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Gia đình Việt Nam không khỏi có những tác động cả tích cực (cách mạng) và tiêu cực mới. Ở đây, cần tìm xem những biến động đến mối quan hệ gia đình với người cao tuổi có gì mới?

Chúng ta có thể khẳng định được vai trò và vị trí của gia đình là hạt nhân cho xã hội Việt Nam văn minh và phồn thịnh. Tính độc lập, tính tự chủ của gia đình và cá nhân đang được khôi phục và phát triển hay là thực tại đang đẩy gia đình Việt Nam vào khủng hoảng, bế tắc và đang có những hiện tượng lệch lạc, thất bại đổ vỡ, con cái hư hỏng, người già đã bị bỏ rơi, ở một số gia đình?

Với người cao tuổi trong gia đình có thể thấy gì qua ý kiến trả lời của các cụ sau đây:

- Con cháu đến thăm thường xuyên:	85,5%
- Khi ốm đau con cháu tự biết:	71,9%
- Con cháu đến giúp đỡ khi ốm đau:	87,8%
- Con cháu luôn hỏi ý kiến:	58,7%
- Con cháu hỏi khi có việc quan trọng:	32,3%
- Không khi nào không hài lòng về con cháu:	58,7%
- Đôi khi không hài lòng về con cháu:	48,3%

Trong xã hội Việt Nam cổ truyền, kính trọng người cao tuổi được thể hiện trong qui phạm xã hội trong cả nước và nhất là ở các làng xã qua các hương ước, có nhiều chi tiết phong phú và đầy đủ hơn so với phần chính sách của Nhà nước, nhưng những hành vi cụ thể lại chính là ở gia đình, dòng họ. Từ sau cách mạng tháng Tám, truyền thống ấy vẫn được phát huy và có thêm nhiều tác động tích cực của Nhà nước, của xã hội chăm lo người cao tuổi. Những năm gần đây, ở nông thôn, trong trợ chế mới, phúc lợi công cộng giảm đi, chức năng bảo đảm xã hội đối với người cao tuổi có xu hướng giao trở lại cho gia đình, trong khi qui mô gia đình ngày càng nhỏ (bình quân 3,9 khẩu/hộ - Điều tra của năm 1993 ở Hải Hưng).

4- Về quan hệ xã hội, hoạt động xã hội và chính sách xã hội.

Người cao tuổi là nhóm xã hội đã từng chứng kiến và tham gia hoạt động qua nhiều thời kỳ, các mối quan hệ khá rộng. Ngày nay, các mối quan hệ và hoạt động xã hội cổ được duy trì, phát huy hay giám sát?

Về phía các cụ, khi được hỏi, phần nhiều vẫn ghi nhớ, nuối tiếc các kỷ niệm về sinh hoạt tập thể qua các thời kỳ, vẫn nhớ tới bạn hữu, đồng niên, đồng tuế... Phải chăng nhu cầu chung của các cụ (mức độ tùy từng nhóm) về sinh hoạt xã hội vẫn duy trì? Những khả năng và điều kiện chưa đáp ứng đủ là vì sức khỏe.

Về phía xã hội, sự tìm tòi, tạo khả năng và điều kiện đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của các cụ ra sao. Có lẽ đây là điều huyệt hổng lớn: Phần lớn các cơ sở sinh hoạt truyền thống (đình, chùa, đền miếu, lễ hội, nhà thờ họ...) đã không còn nữa; các cơ sở phúc lợi ở làng xóm không có vườn cây Bác Hồ do các cụ đi đầu hưởng ứng xây dựng nên là nơi lao động và giải trí rất thích hợp cho các cụ đã bị xóa bỏ bằng đầu thầu; các tổ chức đoàn thể thường không sát hợp và hấp dẫn các cụ trừ hội qui, hội thọ; thông tin phục vụ người cao tuổi quá ít; phương tiện đi lại phục vụ các cụ còn không thuận tiện; tổ chức dành riêng cho các cụ chưa được hướng dẫn hình thành; sự trợ giúp trực tiếp đến nhóm người cao tuổi còn quá ít ỏi và thưa thớt. Như vậy, một thực tế là nhóm xã hội đặc thù này, chưa được xã hội dành riêng cho những thiết chế bảo đảm xã hội cần thiết và cũng chưa có hệ thống tổ chức thích hợp. Sự hổng nói trên làm giảm dần khả năng hướng dẫn, tạo nhu cầu mới cho người cao tuổi, cộng với những khó khăn riêng của các cụ do tuổi tác và điều kiện sống. Nếu kéo dài tình trạng trên sẽ tạo ra thói quen ngại hoạt động xã hội và cuộc sống các cụ sẽ co lại trong gia đình và báo hiệu cho tình trạng lạc hậu và cô đơn.

Nhóm xã hội người cao tuổi
trong hệ thống đề tài nghiên cứu của
Viện Xã hội học

TƯƠNG LAI

Trong Hội thảo khoa học về Lão khoa xã hội lần thứ hai, kỷ niệm một năm ngày Đại hội đồng Liên hiệp quốc quyết định lấy ngày tháng 10 hàng năm "Ngày Quốc tế những người cao tuổi", chúng tôi đã trình bày quan điểm: "Càng mạnh dạn phát huy tài năng của

sức trẻ tạo ra những tiền đề cần thiết cho sự táo bạo và sáng tạo của thế hệ trẻ tham gia vào sự nghiệp đổi mới, lại càng phải có sự nhìn nhận đúng đắn về đội ngũ những người cao tuổi, nhóm xã hội đặc thù với số lượng ngày càng đông và có một vị trí xã hội hết sức quan trọng. Càng quan trọng hơn nữa trong một xã hội phương Đông, với những truyền thống văn hóa và văn minh phương Đông, với truyền thống văn hiến Việt Nam".

Đó cũng là quan điểm đã được thể hiện trong khi triển khai nghiên cứu đề tài về người cao tuổi ở Viện Xã hội học chúng tôi trong năm qua. Đề tài này nằm trong hệ thống của những đề tài nghiên cứu của Viện chúng tôi tập trung làm sáng tỏ về sự vận động và biến đổi của cơ cấu xã hội và chính sách xã hội trong quá trình chuyển đổi từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung và bao cấp sang cơ chế thị trường của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. Trong sự chuyển đổi đó, mỗi nhóm xã hội đều chịu những ảnh hưởng và tác động không giống nhau. Nếu cơ chế thị trường khởi động và thúc đẩy tính năng động xã hội để thích ứng và phát huy sinh lực và tiềm năng của lớp trẻ thì trong những chừng mực nhất định lại đặt ra những khó khăn mới cho tuổi già. Bước qua cái ngưỡng "tri thiên mệnh" của tuổi 50, vào cái tuổi 60 "nhĩ thuận" (nghe qua là biết rõ) và tuổi 70 "tùng tâm sở dục bất du cử" (theo ý muốn trong lòng không hề chệch ra ngoài nền nếp) thì cái guồng máy của cơ chế thị trường dường như làm cho người già chóng mặt.

Những khảo sát xã hội học ở Hải Hưng mà các đồng nghiệp của chúng tôi trình bày trong hội thảo này sẽ đề cập đến những con số, những vấn đề cụ thể. Ở đây chúng tôi muốn nhấn mạnh một vấn đề được quán triệt, xuyên suốt trong các cuộc nghiên cứu về người cao tuổi đó là, nhóm xã hội đặc thù này vốn đã gánh trên vai mình cuộc cách mạng tháng Tám, hai cuộc kháng chiến thần thánh, trải qua một chặng đường dài của hy sinh chiến đấu, và giờ đây lại đang gánh chịu những thử thách của bước ngoặt mới, chuyển đổi cơ chế nhằm giải phóng sức sản xuất, tạo nên sức bật mới cho đất nước bước ra khỏi nghèo nàn, lạc hậu, hướng tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh.

Có lẽ cái giá phải trả cho sự lựa chọn sẽ ảnh hưởng trước hết đến lớp người cao tuổi, những người vốn đã từng cống hiến cho xã hội, nay cần được xã hội đền đáp sự cống hiến đó của họ.

Theo thống kê dân số năm 1989, số người có tuổi từ 60 trở lên chiếm 7,19%, trong đó nam là 41,6% và nữ là 58,3% như vậy số người cao tuổi là nam giới chiếm 6,63% trong tổng số nam giới và nữ giới chiếm 8,16% trong tổng số dân số nữ giới. Điều đáng nói là, mặc dầu tuổi thọ trung bình của nước ta là tương đối cao, 68 tuổi (góp phần và chỉ số nhân bản HDI) đưa nước ta lên được 41 bậc so với chỉ số GNP đầu ngư 115 so với 156 (trong số 173 nước UNDP khảo sát), nhưng xếp loại sức khỏe của người cao tuổi thì chỉ 3,7% loại tốt, 66,1% loại trung bình và loại kém 30,1% (số liệu năm 1989, còn 10 năm trước, năm 1979 số liệu tương ứng là 0,75%, 36,50% và 62,7%).

Số người già cô đơn là 100 nghìn, chiếm 29% trong tổng số các đối tượng cứu trợ, trong số đó, 35% luôn ốm đau hoặc tàn phế, 29% không tự lực được về sinh hoạt, 12,5% sống lang thang không nơi nương tựa. Số người nghỉ hưu là gần 1 triệu, trong đó có quá nửa có số lương dưới mức cơ bản.

Những con số nói trên cho thấy trách nhiệm nặng nề của toàn xã hội đối với người cao tuổi. Nói đến toàn xã hội chúng tôi hàm ý nói đến trách nhiệm của Đảng và Nhà nước, và quan trọng hơn nữa là mọi tầng lớp nhân dân, trước hết là trách nhiệm của cộng đồng, mà cái cộng đồng nhỏ nhất nhưng cũng quan trọng nhất là gia đình, ở đó người cao tuổi đang sống. Sức mạnh và sáng kiến của cộng đồng xuất phát từ đạo lý truyền thống: "uống nước nhớ nguồn", "ăn quả nhớ người trồng cây", sức mạnh và sáng kiến đó sẽ là vô tận mà

không một ngân sách nhà nước nào có thể kham nổi, không một chỉ thị nghị quyết nào có thể vạch ra đủ. Nếu có một thống kê miêu tả về các hình thức hoạt động chăm sóc người cao tuổi và người cao tuổi tự chăm sóc mình để có thể tiếp tục cống hiến cho xã hội trên đất nước ta, từ Bắc chí Nam, chúng ta sẽ thấy sức thanh và sáng kiến của cộng đồng hết sức phong phú nhằm tìm ra những giải pháp tối ưu với việc chăm sóc người cao tuổi. Những giải pháp đó chứa đựng một ý nghĩa nhân văn sâu sắc. "Khát vọng cơ bản của những người cao tuổi là được tiếp tục hòa nhập vào xã hội và tham gia vào đời sống của cộng đồng trong vai trò động viên, khuyến khích tự nguyện đối với chính mình và có ích đối với những người khác". Điều này sẽ càng có ý nghĩa cực kỳ lớn lao khi mà "ba giai đoạn của cuộc sống", tuổi thanh niên, tuổi lao động và tuổi già có xu hướng ngày càng dài bằng nhau" (Thời gian học kéo dài và những khó khăn khi tìm một việc làm đầu tiên đã giải thích việc kéo dài giai đoạn thứ nhất của cuộc sống, việc chậm gia nhập vào thế giới lao động và sự kết thúc hoạt động ngày càng sớm đưa đến kết quả giảm bớt giai đoạn thứ hai của cuộc sống, việc về hưu ở một độ tuổi trẻ hơn và nhất là tuổi thọ cao hơn đã đưa đến sự kéo dài giai đoạn thứ ba của cuộc sống). Bởi vậy, người ta thấy ngày càng xuất hiện một kiểu người già mới, đông đảo hơn, trẻ hơn về tuổi tác hoặc trẻ hơn về tâm hồn, có sức khỏe tốt hơn, sẵn sàng hơn, cởi mở hơn, tự nguyện hơn để tham gia vào cuộc sống của cộng đồng⁽¹⁾.

Đó là phác thảo về diện mạo người già ở bình diện thế giới, còn ở Việt Nam, Việt Nam trong một xã hội phương Đông với những truyền thống văn hóa và văn minh phương Đông với truyền thống văn hiến Việt Nam thì sao?

Cách đây hơn một nửa thế kỷ, đồng chí Nguyễn Ái Quốc trong thư gửi phụ lão đã lưu ý: "Một lời nói của phụ lão có ảnh hưởng đến hưng bang, thất bại động của phụ lão có ảnh hưởng đến việc giết giặc. Rút gốc mọc để ném vào đầu bọn bạo ngược, vung gậy trúc để đánh vào bọn hung ác... Phụ lão hô, nhân dân hưởng ứng, phụ lão làm, nhân dân làm theo. Hô điều nên hô, làm điều nên làm. Đọc những lời này, chúng tôi hiểu rằng. Bác Hồ đã thấu hiểu hơn ai hết truyền thống phương Đông, truyền thống văn hiến của Việt Nam. Một truyền thống muốn "nước nhà giữ hiền đức, theo thiên trịch cho nên luôn "tôn kính người già, bởi lẽ "từ sự hiếu đễ mà chuộng sự kính nhường" (Bùi Huy Bích - Văn bia đền Thọ ông).

Cụ Võ Liêm Sơn, nhà giáo và nhà văn, từng được Bác Hồ tặng bài thơ, trong đó có hai câu "Thờ dân tròn đạo hiếu, thờ nước vẹn lòng trung", năm 60 tuổi trên đường ra Việt Bắc dự Đại hội Văn hóa toàn quốc đã tâm sự "Năm nay tuổi đúng sáu mươi, quả là đã già lắm rồi đó. Chỉ tiếc là không còn đủ sức khỏe để viết thêm nhiều tác phẩm thanh xuân và tuổi già của mình và để nuôi dưỡng những tháng năm cao tuổi của mình. Đã già cả lại càng có nhiều mơ ước, có nhiều mộng" (Theo Nguyễn Xuân Sanh. "Viết cho những tuổi đời đáng kính trọng").

Khuyến cáo của FIAPA hướng về "Khát vọng cơ bản của người cao tuổi là được tiếp tục hòa nhập với cộng đồng bằng sự cống hiến của mình" nên được quán triệt trong các giải pháp của cộng đồng và gia đình, nhằm hướng tới một cuộc sống tốt đẹp cho người cao tuổi.

Một giải pháp về tinh thần cũng như vật chất hướng về người cao tuổi, theo chúng tôi, chính là để làm cho người cao tuổi tìm thấy lý do để tiếp tục sống. Lý do ấy, trước hết cũng được tìm về trong gia đình, một thiết chế xã hội gắn gũi nhất với người cao tuổi, tự đó là các cộng đồng trên gia đình. Chính ở đây, việc quan tâm đến cuộc sống vật chất của người già đang gặp khó khăn là một việc làm bức xúc, song quan trọng hơn nữa là chăm

1. Theo FIAPA (International Federation of Associations of the Elderly).

sóc đến đời sống tinh thần, kể cả đời sống tâm linh của người cao tuổi là điều có ý nghĩa lớn, hơn nữa lại là ý nghĩa lâu dài, đặc biệt là đời sống tinh thần của người cao tuổi ở nông thôn. Những khảo sát xã hội học của chúng tôi vừa qua cho thấy trên lĩnh vực này, có nhiều điều chúng ta có thể làm nhưng chưa được lưu ý, hơn nữa, có nhiều việc không đòi hỏi khả năng đầu tư về vật chất quá tốn kém. Tôi chỉ xin phép đưa ra đây một ví dụ, dành một khoảnh đất để hình thành một khu vườn giao cho các cụ phụ lão chăm sóc đã một thời được phát triển.

Các phụ lão đến chăm sóc mảnh vườn này, ngoài ý nghĩa kinh tế, còn có ý nghĩa văn hóa - nhiều mảnh vườn thật sự đã trở thành một tụ điểm văn hóa. Đáng tiếc là khi chuyển sang cơ chế mới nhiều khu vườn của phụ lão đã không còn nữa.

Để chăm sóc đời sống tinh thần của người cao tuổi, cần phải hình thành những tụ điểm văn hóa phù hợp với đặc điểm tâm lý, thể lực của họ. Liệu những câu lạc bộ người cao tuổi có thể đóng được vai trò này chưa? Đây vẫn đang là một câu hỏi. Trong số liệu khảo sát ở Hải Hưng, có 3,6% số người trong mẫu nghiên cứu tham gia *Câu lạc bộ người cao tuổi* và tỷ lệ này nghiêng hẳn về khu vực thị xã, trong lúc đó, 92,8% tham gia vào *Hội bảo thọ*, tỷ lệ này cao đồng đều ở cả ba điểm khảo sát. Nếu "xã hội là một hệ thống các thiết chế phụ thuộc lẫn nhau và góp phần tạo nên sự ổn định bền vững của tổng thể" và "các quy luật văn hóa liên tục được thiết lập và tạo ra như là kết quả của những chọn lựa và quyết định của cá nhân" thì điều này cho phép chúng ta lý giải về nhu cầu của người cao tuổi và sự lựa chọn của họ đối với những hình thức để hòa nhập vào cộng đồng, qua đó, đáp ứng những nhu cầu của họ. Nhu cầu về đời sống vật chất cũng như đời sống tâm linh. Cũng trên quan điểm đó, phải chăng nên xem xét lại vị trí của ngôi chùa làng và sau đó là ngôi đình làng trong tâm thức của người già ở thôn quê để tiến hành việc tu sửa, tôn tạo theo hướng hình thành những điểm văn hóa đáp ứng với nhu cầu của các tầng lớp cư dân, trong đó có chú ý đến nhu cầu của lớp người cao tuổi ở nông thôn mà sinh hoạt tinh thần đang hết sức nghèo nàn qua những chỉ báo xã hội học thu được từ các cuộc khảo sát. Chỉ cần quan sát các cụ bà, những thành viên của các hội "chư bà" xưa kia chiếm tỷ lệ tuyệt đối trong ngày rằm và mùng một ở các chùa làng cũng đã thấy được sự điều chỉnh xã hội mà "lão quyền" "lão hạng" vốn dành riêng cho các cụ ông ở chốn đình trung xưa kia. Liệu ngày nay, trong khẩu hiệu "Tất cả vì hạnh phúc của nhân dân", chúng ta có dành một chỗ, dù là rất khiêm tốn cho niềm hạnh phúc được thỏa mãn nhu cầu tâm linh của những cụ bà mà cả cuộc đời lao động quần quật hiếm khi được bước ra khỏi lũy tre làng, được giải tỏa đời sống tâm linh khi họ được tạm dừng một khoảnh khắc trong cả chuỗi dài những công việc nặng nhọc làm còng lưng họ xuống để đến thấp hương ở một ngôi chùa làng?

Đồng chí Phạm Văn Đồng, trong cuốn sách mới nhất của mình đã cho rằng: "Niềm tin tôn giáo là một điểm nhạy cảm trong thế giới một tâm hồn con người... Tín ngưỡng dân gian Việt Nam đang được phục hồi. Con người Việt Nam, dù là người vô thần hay người tôn giáo đều chịu ảnh hưởng của thứ tôn giáo thờ phụng tổ tiên, thờ phụng những nhân thần có công lao to lớn với đất nước. Đó là một nét đẹp của văn hóa Việt Nam, con người Việt Nam" (*Hồ Chí Minh và con người Việt Nam trên con đường dân giàu nước mạnh*. Nhà xuất bản *Chính trị Quốc gia*, Hà Nội, 1993, trang 37, 38).

Những tiếp cận xã hội học qua các cuộc khảo sát ở nhiều đề tài từ đồng bằng sông Hồng đến đồng bằng sông Cửu Long, từ duyên hải miền Trung đến Tây Nguyên và các vùng núi phía Bắc, chúng tôi đều nghĩ là cần có khuyến nghị cần phải bảo tồn, kế thừa và phát huy nét đẹp đó của văn hóa Việt Nam, con người Việt Nam đừng để nó bị phiêu pha, hủy hoại.

Và điểm dừng của bản tham luận ngắn của chúng tôi cũng là ở đây, ở Hải Hưng, một tỉnh có truyền thống văn hiến rất tiêu biểu. Biết bao nhiêu danh nhân văn hóa đã sinh thành tại đây nếu làm một con số thống kê và đối sánh về tỷ lệ danh nhân văn hóa giữa Hải Hưng và các vùng lãnh thổ khác của đất nước chắc sẽ đặt ra một vấn đề trọng đại cho nhân dân và các đồng chí lãnh đạo ở Hải Hưng để bảo tồn, kế thừa và phát huy truyền thống văn hiến của tỉnh nhà. Đây là cái nền cơ bản mà trên đó, những giải pháp chăm sóc người cao tuổi ở Hải Hưng sẽ được thực hiện.

Những báo cáo của các đồng nghiệp của chúng tôi sẽ trình bày rõ hơn những con số, những vấn đề cụ thể. Sức mạnh của xã hội học là ở sự phân tích định lượng qua các số liệu và những biến số tương quan nhằm phát hiện ra chiều sâu của các hiện tượng. Tuy nhiên, những con số chỉ có ý nghĩa khi nó được tìm kiếm dựa vào những định hướng lý thuyết và phương pháp luận nghiên cứu đúng. Chúng tôi đang cố gắng theo hướng đó. Đạt được đến đâu sẽ còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố, và chắc sẽ không tránh khỏi những sai lầm. Chúng tôi mong nhận được nhiều ý kiến tranh luận để chúng ta có thể cùng nhau có một nhận diện đúng đắn về hiện trạng người cao tuổi mà trước hết là người cao tuổi ở Hải Hưng, trên cơ sở lý giải hiện trạng mà khuyến nghị những giải pháp thích hợp làm cho đời sống của người cao tuổi ngày mỗi tốt đẹp hơn.

Vận động và chăm sóc phụ lão - lớp người đáng kính của xã hội trong tình hình hiện nay

NGUYỄN TÚC.*

52 năm trước đây, trong bức thư đầu tiên gẫu phụ lão cả nước, đồng chí Nguyễn Ái Quốc viết: "Đối với gia đình, đối với Tổ quốc, phụ lão có trọng trách cao. Đối với xóm làng, đối với họ hàng, phụ lão có sự tín nhiệm lớn. Phụ lão hô, nhân dân hưởng ứng, phụ lão làm nhân dân làm theo...".

Hơn nửa thế kỷ đã qua, mặc dầu đất nước đã có nhiều đổi thay, song thực tiễn hoạt động của phụ lão đã khẳng định sự đánh giá đó vẫn giữ nguyên giá trị. Phụ lão nước ta hiện nay đang tăng nhanh về số lượng và chất lượng, do tuổi thọ trung bình và trình độ văn hóa của dân ta được nâng lên⁽¹⁾.

Theo tổng điều tra dân số tháng 4-1989 nước ta đã có 8.459.118 người từ 50 tuổi trở lên, trong đó có 950.440 người về hưu, với 93.101 người có trình độ đại học và trên đại học, 231.223 người có trình độ chuyên môn, kỹ thuật và tay nghề cao.

* Ủy viên Ban Thư ký, ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

1. Tuổi thọ trung bình của tổng điều tra năm 1979 là 66 (năm 63,6, nửa 67,8), năm 1989 là 68.

Học tập và làm theo thư của Bác Hồ (gửi tháng 6-1941) và *Di chúc* của Người, thông qua những phong trào: "tuổi cao, chí càng cao", "trẻ xông pha, già mẫu mực", "phụ lão ba giỏi" "hiến kế hiến công", "ông trồng cháu chăm", "phụ lão làm giàu cho quê hương, đất nước", "ông bà, cha mẹ mẫu mực, con trung hiếu, cháu thảo hiền, gia đình hòa thuận, xóm làng thân thương" v.v... bằng những việc làm thực tế và hiệu quả đem lại, phụ lão đã tự khẳng định mình vẫn là lực lượng quan trọng trong xã hội và được xã hội thừa nhận. Thực tiễn những năm qua cho thấy: *phụ lão là lực lượng nòng cốt thường xuyên tại địa bàn dân cư dưới xã, phường, đưa đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước đến từng hộ gia đình, từng người dân và phản ánh nguyện vọng của dân đối với Đảng và Nhà nước, là một lực lượng có khả năng nhất, quan trọng nhất trong việc xây dựng tình làng, nghĩa xóm, trong công tác hòa giải các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân.*

Một việc làm hết sức khó khăn và phức tạp, xảy ra thường ngày trong từng gia đình, ở từng cụm dân cư, đòi hỏi nhiều ở uy tín cá nhân, vốn sống phong phú, đức tính kiên trì, nhẫn nại, khéo léo, tế nhị, có lý, có tình.

Có thể khẳng định: những năm qua, trong quá trình đổi mới đất nước, *phụ lão đã góp phần rất quan trọng vào việc ổn định chính trị - xã hội ở cơ sở xã, phường.*

Với tiềm năng to lớn và phẩm chất cao đẹp đó, lớp người cao tuổi ở nước ta hiện có ảnh hưởng lớn trong dân, trong xã hội và giữ vai trò quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Vì vậy chăm sóc tận tình và trên cơ sở đó, tiếp tục phát huy khả năng to lớn của phụ lão vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh" phải là trách nhiệm thường xuyên của các cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức xã hội, của mọi gia đình và mỗi người dân.

*

* * *

Đối với một đất nước như nước ta, một trong những quốc gia nghèo nhất trên thế giới nếu xét về thu nhập bình quân tính theo đầu người, một đất nước phải tiến hành cuộc chiến tranh chống ngoại xâm kéo dài gần nửa thế kỷ, đang phải giải quyết hàng loạt vấn đề xã hội gay gắt và cấp bách do chiến tranh để lại và đo sự non kém về quản lý kinh tế và xã hội gây ra, một đất nước chậm phát triển về kinh tế nhưng lại tăng nhanh về dân số một đất nước chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế với số người chưa có việc làm khá đông, thì việc chăm sóc tận tình và chu đáo những người cao tuổi quả là vấn đề không đơn giản.

Trong bối cảnh như vậy, để thực hiện tốt việc chăm sóc phụ lão, chúng tôi cho rằng *cần có sự phối hợp mạnh mẽ hơn nữa giữa sự chăm sóc của Nhà nước thông qua việc ban hành các chính sách, chế độ; sự chăm sóc của cộng đồng thông qua các cuộc vận động đền ơn trả nghĩa, uống nước nhớ nguồn với sự chăm sóc của từng gia đình và sự phấn đấu của bản thân từng phụ lão.*

Chúng tôi cho rằng: phương thức cơ bản để chăm sóc phụ lão là phải gắn với gia đình, với họ hàng, làng xóm, phố phường. Đó là truyền thống, là cách làm xưa nay của ông cha ta, của dân tộc ta.

Chúng tôi rất mừng thấy rằng: phong trào toàn dân chăm sóc phụ lão ngày càng phát triển với nhiều hình thức phong phú và đa dạng.

Truyền thống hiếu thảo của dân tộc ta dần dần được khôi phục và phát triển. Một hình thức mới nhất vừa

được khởi xướng và hưởng ứng mạnh mẽ là phong trào: "nhà nhà xây dựng quỹ phụng dưỡng ông bà, cha mẹ". Mới qua nửa năm phát động mà ở một tỉnh con cháu đã cùng nhau đóng góp hơn 13 tỷ đồng để chăm lo ông, bà, bố mẹ mình. Tin rằng cùng với "quỹ thọ", "quỹ toàn dân chăm sóc người cao tuổi" sẽ sớm trở thành phong trào của cả nước, mà trước hết được phát triển ở Hải Hưng.

Khác biệt nông thôn - đô thị ở người cao tuổi (nhận xét bước đầu từ một cuộc khảo sát xã hội học ở Hải Hưng)

BÙI THẾ CƯỜNG

Chương trình nghiên cứu người già của chúng tôi dự kiến rằng sẽ có những khác biệt đáng kể giữa người cao tuổi sống chủ yếu ở nông thôn với người cao tuổi sống chủ yếu ở đô thị. Do đó, nơi cư trú (đô thị hay nông thôn) cần được xem là một biến số quan trọng trong các cuộc điều tra. Kết quả cuộc nghiên cứu Hải Hưng vừa qua xác nhận giả thuyết trên, nó cho thấy khá nhiều khác biệt nông thôn - đô thị trong một loạt các lĩnh vực. Dưới đây xin nêu lên một vài khác biệt đáng chú ý.

ĐÁNH GIÁ CHÍNH SÁCH Ở NGƯỜI CAO TUỔI

Người cao tuổi ở nông thôn và đô thị có mức độ đánh giá giống nhau về tác riêng của chính sách đổi mới đối với xã hội nói chung. Nhưng ở đây cũng đã báo hiệu một chút về sự khác biệt.

Bảng 1: Tác động của chính sách đổi mới đối với xã hội nói chung

	%			
	Tích cực	Bình thường	Tiêu cực	Khó nói
Đô thị	74	9	6	8
Nông thôn	71	10	3	12
Chung cả hai	72	10	4	11

Sự khác biệt đáng kể sẽ bắt đầu khi các cụ được đề nghị quy chiếu ảnh hưởng của chính sách đổi mới vào nhóm người già, tức là vào bản thân mình. Các cụ ở đô thị đánh giá sự tác động tích cực của chính sách đổi mới ít hơn, tiêu cực nhiều hơn, hoặc thấy khó nhận xét hơn so với các cụ ở nông thôn.

Bảng 2: Tác động của chính sách đổi mới đối với người già

	%			
	Tích cực	Bình thường	Tiêu cực	Khó nói
Đô thị	37	23	17	23
Nông thôn	46	30	8	16
Chung cả hai	43	28	11	18

Điều cần nhấn mạnh là chỉ có hơn 2/3 người già được hỏi xem chính sách mới là tích cực với xã hội nói chung. Còn khi quy chiếu vào bản thân nhóm, chỉ có dưới một nửa có đánh giá tích cực

NHÌN NHẬN VỀ SỰ THÀNH ĐẠT

Thành đạt/thăng tiến là một chủ đề nghiên cứu rất quen thuộc của xã hội học, đặc biệt với các xã hội đã công nghiệp hóa. Nhiều nghiên cứu dân tộc học và nhân loại học đã xác nhận rằng các khái niệm này cũng hoàn toàn không xa lạ với các xã hội cổ truyền. Vấn đề đặt ra là một câu hỏi xã hội học chủ đề này có thích hợp với xã hội Việt Nam hiện nay hay không, và với người cao tuổi hay không. Cuộc nghiên cứu Hải Hưng vừa qua cho thấy, đại đa số các cụ đã vui lòng chia sẻ chủ đề này với người phỏng vấn (tỷ lệ người không trả lời hay khó nói rất thấp).

Kết quả nghiên cứu cho thấy có những khác biệt trọng mức độ đánh giá thành đạt. Đó là điều dễ hiểu, chẳng hạn chúng ta không ngạc nhiên về những khác biệt giữa nam và nữ, cũng như sự khác biệt theo hướng đi lên của ba thế hệ trong sự thành đạt (thế hệ cha mẹ người được hỏi, các cụ được hỏi và thế hệ con cái người được hỏi). Sự khác biệt nông thôn - đô thị cũng đã được tiên liệu, song điều ngạc nhiên ở đây là xu hướng của nó, có lẽ hơi bất ngờ với người nghiên cứu, ít nhất cũng là với tác giả bài này.

Bảng 3: Tự đánh giá và mức độ thành đạt của bản thân

	%			
	Tích cực	Bình thường	Tiêu cực	Khó nói
Chung	31	49	9	9
Đô Thị	29	41	11	15
Nông thôn	32	53	8	7

Bảng trên cho thấy các cụ ở nông thôn đánh giá tích cực hơn các cụ ở đô thị, trong khi ở đô thị chúng ta lại chờ đợi có nhiều cụ thành đạt hơn.

Không có sự khác biệt lớn giữa đô thị - nông thôn trong đánh giá thành đạt của các cụ thân sinh. Nhưng đánh giá về thành đạt của thế hệ sau lại có những phân hóa đáng kể, trong đó mức thành đạt ở nông thôn cao hơn đô thị, còn mức không thành đạt ngược lại. Trong so sánh sự thành đạt của con trai với mình cũng có kết quả tương tự: 67% các cụ được hỏi ở nông thôn xem con trai thành đạt hơn mình, trong khi chỉ có 46% các cụ ở đô thị nghĩ như vậy.

Bảng 4: Đánh giá về thành đạt của con trai

%

	Thành đạt	Bình thường	Không thành đạt	Khó nói
Chung	44	42	8	6
Đô Thị	31	45	17	7
Nông thôn	51	40	4	5

Bảng 5: So sánh thành đạt của con trai với mình

%

	Thành đạt hơn	Không hơn	Kém hơn	Khó nói
Chung	60	26	4	9
Đô Thị	46	31	12	10
Nông thôn	67	24	0,5	8

CÁC BIẾN SỐ ĐỂ GIẢI THÍCH

Một vài biến số được xây dựng trong bảng hỏi có thể sử dụng để giải thích những khác biệt nông thôn - đô thị.

Thống kê mẫu điều tra cho thấy mức học vấn của nhóm các cụ sống ở đô thị cao hơn nhiều so với ở nông thôn.

Bảng 6: Trình độ học vấn theo nông thôn - đô thị

%

	Mù chữ	Biết đọc	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Đại học
Đô thị	5	20	32	21	17	6
Nông thôn	21	29	29	16	4	0,5

Liên quan đáng kể đến vấn đề này là việc trả lời về truyền thống gia đình theo nho học hay tân học, trong đó các cụ sống ở đô thị khẳng định mạnh hơn các cụ sống ở nông thôn về truyền thống học của gia đình. Cần lưu ý rằng, khái niệm nho học lẫn tân học không chỉ là học vấn, nó hàm ý nhiều hơn về khía cạnh văn hóa và thể ứng xử.

Có quá trình tham gia cách mạng ở đô thị là 52%, ở nông thôn là 35% các cụ được hỏi. Tương tự, có tham gia quân đội ở các cụ sống ở đô thị là 27%, ở nông thôn là 13%. Các biến số này cho phép giả định rằng sự thay đổi trong vị trí xã hội và thu nhập trước và sau khi nghỉ hưu hay nghỉ công tác ở các cụ đô thị sẽ mạnh hơn ở nông thôn.

Công việc chính đã trải qua trong đời các cụ sống ở nông thôn dĩ nhiên với phần lớn (80% người được hỏi ở hai điểm điều tra nông thôn) là nông nghiệp, chỉ có 5% là cán bộ công nhân viên nhà nước. Ngược lại, ở đô thị, 30% các cụ được hỏi đã là cán bộ công nhân viên nhà nước trong khu vực giáo dục, y tế, phục vụ công cộng; 24% làm buôn bán và thủ công nghiệp; 17% làm việc trong công nghiệp, xây dựng, khai khoáng; 12% là công an, bộ đội, lái xe. Nói gọn lại, phần lớn các cụ ở đô thị hoặc tham gia khu vực nhà nước, hoặc làm việc trong các khu vực phi nông nghiệp ngoài nhà nước. Điều này tạo nên các kinh nghiệm chính trị, xã hội và nghề nghiệp khác đáng kể với các cụ sống ở nông thôn và làm nghề nông.

Gắn với điều này là mức độ tham gia hoạt động xã hội lúc trẻ khác biệt đáng kể giữa nông thôn và đô thị, nghiêng theo hướng các cụ sống ở đô thị tham gia hoạt động xã hội lúc trẻ tích cực hơn cáo cụ sống ở nông thôn.

Bảng 7: Mức độ tham gia hoạt động xã hội lúc trẻ

%

	Rất tích cực	Tích cực	Bình thường	Không
Chung	32	37	21	9
Nông thôn	13	35	26	15

GIẢ THUYẾT BƯỚC ĐẦU

Các số liệu liên quan đến biến số nơi cư trú (nông thôn - đô thị) còn cần phải được làm chính xác hóa hơn nữa. Chẳng hạn, phải đưa thêm biến số giới tính vào các bảng xử lý. Các biến số độc lập nêu trên để giải thích cũng mới chỉ là gợi ý, cần được suy nghĩ để tìm ra các mối liên hệ giữa chúng với các kết quả. Ngoài ra, còn rất nhiều các khác biệt nông thôn - đô thị trong các lĩnh vực khác cần được làm sáng tỏ.

Ở đây chúng tôi thử nêu lên một vài giả thiết:

- Trong mấy chục năm qua ở miền Bắc, do tác động của chính sách, nông thôn đã thay đổi và phát triển nhiều hơn đô thị (đặc biệt rõ nếu so với các đô thị nhỏ như Hải Dương). Quản lý đô thị đã làm nảy sinh nhiều vấn đề khiến môi trường đô thị trở nên kém hài lòng hơn cho cư dân, nhất là cư dân cao tuổi. "Thoát ly", một phương cách được hiểu như sự thăng tiến, đã rất phổ biến ở nông thôn miền Bắc trong hàng chục năm qua.

- Phải chăng, thực hiện một số mục tiêu trong khái niệm thăng tiến/thành đạt ở nông thôn tỏ ra dễ hơn ở đô thị? Chẳng hạn, để có được một ngôi nhà hài lòng theo tiêu chuẩn địa phương, ở nông thôn dễ thực hiện hơn ở đô thị (giá đất, chi phí xây nhà...).

- Phải chăng, cần làm rõ sự khác nhau giữa nông thôn và đô thị trong khái niệm thành đạt sự khác biệt này dẫn đến cách đánh giá và trả lời khác nhau?